

**VẤN ĐỀ XÃ HỘI TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG  
SẢN XUẤT NÔNG SẢN XUẤT KHẨU Ở TÂY NGUYÊN**  
SOCIAL PROBLEMS IN THE SUSTAINABLE DEVELOPMENT OF FARM  
PRODUCTS FOR EXPORT IN THE HIGHLANDS

*Nguyễn Trường Sơn*  
Trường Đại học Đà Nẵng

*Nguyễn Hồng Cử*  
Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

**TÓM TẮT**

Sản xuất nông sản xuất khẩu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - chính trị - xã hội của vùng Tây Nguyên. Trên quan điểm phát triển bền vững, bài viết đi sâu phân tích và chỉ rõ những mâu thuẫn nội tại giữa tăng trưởng kinh tế và vấn đề xã hội trong lĩnh vực sản xuất hết sức quan trọng này. Từ đó xác định một số quan điểm định hướng và đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm giải quyết tốt các vấn đề xã hội, tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững không những cho lĩnh vực mà còn cho cả toàn bộ khu vực.

**SUMMARY**

The export of agricultural products plays an important role in the political and socio-economic development of the Highland region. In view of sustainable development, the article is aimed to analyse and point out internal contradictions between economic growth and social problems in this production sector. Subsequently, orientations and efficient solutions to social problems are proposed to promote sustainable development in this sector as well as in the whole region.

**1. Đặt vấn đề**

Vùng Tây Nguyên bao gồm các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng có diện tích tự nhiên 54695,6 km<sup>2</sup>. Dân số hơn 5 triệu người, mật độ dân cư tương đối thấp 92 người/km<sup>2</sup>. Thành phần dân cư rất phong phú với trên 40 dân tộc sinh sống, trong đó dân tộc Kinh chiếm trên 60%, còn lại là các dân tộc ít người...nhiều dân tộc còn ở tình trạng kém phát triển, tập quán sản xuất lạc hậu, mức sống thấp. Dân số nông thôn chiếm trên 72%, khoảng 3,6 triệu người. Lực lượng lao động 2,48 triệu người, chiếm gần 50% dân số. Tây Nguyên có tiềm năng to lớn về kinh tế, tài nguyên đất đa dạng, đất đỏ chiếm hơn 50% diện tích đất tự nhiên, trong đó có hơn 1 triệu ha đất đỏ bazan rất màu mỡ với độ dày canh tác cao, cho phép Tây Nguyên phát triển thành vùng chuyên canh cây công nghiệp xuất khẩu, nhất là nhóm cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su, chè, hồ tiêu; có điều kiện phát triển toàn diện cả về nông lâm nghiệp, công nghiệp chế biến và dịch vụ. Sau một thời gian dài sản xuất nông sản xuất khẩu (SXNSXK) đã có những bước phát triển vượt bậc, đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội cả vùng. Tuy nhiên, sự phát triển của lĩnh vực sản xuất này còn tiềm ẩn nhiều yếu tố thiếu bền vững, những mâu thuẫn giữa vấn đề kinh tế và vấn đề xã hội vẫn bộc lộ khá gay gắt. Điều này về lâu dài sẽ làm hạn chế quá trình phát triển, tác

động tiêu cực đến tính ổn định và các mặt của đời sống kinh tế - chính trị - xã hội của vùng. Việc phân tích nhằm xác định những mâu thuẫn giữa quá trình tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có ý nghĩa lớn không những đối với SXNSXK mà còn đối với sự phát triển của cả khu vực.

## 2. Phân tích những mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế và vấn đề xã hội trong Sản xuất nông sản xuất khẩu vùng Tây Nguyên.

Với lợi thế về điều kiện tự nhiên, Tây Nguyên trở thành một trong những vùng sản xuất nông sản xuất khẩu (SXNSXK) nổi tiếng của cả nước. Trong 9 nhóm hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, Tây Nguyên đã có tới 6 nhóm hàng nông sản tham gia, đứng đầu là cà phê và hồ tiêu. Tổng diện tích canh tác 5 loại cây công nghiệp dài ngày có ưu thế nhất là chè, cà phê, cao su, hồ tiêu và điều toàn vùng là 756706 ha, chiếm 43,37% diện tích canh tác 5 loại cây trên của cả nước. Trong đó, ấn tượng nhất là cà phê chiếm 90,55%, hồ tiêu 33,95%. Trong cơ cấu diện tích canh tác cây công nghiệp dài ngày của vùng, diện tích canh tác cà phê, cao su, hạt điều chiếm tỷ trọng cao nhất. Dẫn đầu là cà phê chiếm 63,50% diện tích, cao su 19,40% và hạt điều 11,40%.

SXNSXK chiếm vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh Tây Nguyên. Trong cơ cấu GDP của các tỉnh, giá trị nông sản xuất khẩu (NSXK) chiếm tỷ lệ lớn.

*Bảng 1. Tỷ lệ đóng góp vào GDP của nông sản xuất khẩu*

Năm	Tổng GDP (Tr.đ)	Tổng GDP (1000 USD)	KNXK (1000 USD)	KNXKNS (1000 USD)	Tỷ lệ GTXK/ GDP (%)	KNXKNS TrongKNXK (%)
2005	25900160	1670978	564263	469702	33.76	83.24
2006	32878532	2054908	745415	639542	36.27	85.79
2007	44367274	2609839	1112955	1018850	41.39	91.54
2008	59795234	3517366	1328179	1181235	37.76	88.93

*Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê các tỉnh Tây Nguyên 2005 - 2008*

Giá trị NSXK đóng góp vào GDP chiếm tỷ lệ ngày càng cao, khoảng ½ giá trị sản xuất ngành nông nghiệp, trên 35% GDP và trên 85% tổng kim ngạch xuất khẩu của vùng. Giai đoạn từ 2001 đến 2004 là thời kỳ tăng đột biến của tất cả các loại NSXK chính trong đó sản lượng chè xuất khẩu tăng 1,67 lần; cà phê giảm chút ít; cao su tăng 0,9 lần; hồ tiêu tăng 6,4 lần; hạt điều tăng 38,7 lần. Trong hai năm 2005 và 2006, giá cả giảm đồng loạt nên sản lượng xuất khẩu giảm thấp nhất trong vòng 5 năm trở lại đây, nhất là chè, cà phê và hạt điều. Từ 2006 đến nay, sản lượng xuất khẩu của hầu hết mặt hàng đều có xu hướng ổn định dần trừ cao su vẫn có xu hướng tăng cao, năm 2007 tăng gần 3 lần so với 2006 và năm 2008 tăng gấp đôi so với năm 2007. Tăng trưởng về sản lượng NSXK đi liền với tăng trưởng về kim ngạch NSXK. Giai đoạn từ 2001 đến 2004

kim ngạch XKNS tăng 1,9 lần; từ 2004 đến 2008 tăng 2,8 lần. Bình quân mỗi năm tăng 50%.

Những tiến bộ trong phát triển kinh tế của Tây Nguyên đều gắn với những thành tựu trong SXNSXK, tạo ra sự tiến bộ xã hội đáng kể so với thời kỳ trước đây. Cuộc sống của người dân đã được cải thiện cả về vật chất và tinh thần; đời sống văn hóa, tâm linh đã được coi trọng hơn; giáo dục y tế ngày càng có nhiều tiến bộ. Nhờ vậy, một bộ phận không nhỏ dân cư đã từng bước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, vươn lên làm giàu và đứng vững. Tuy vậy, nhìn tổng quát, Tây Nguyên hiện vẫn là vùng chậm phát triển của nước ta, hầu hết các chỉ tiêu kinh tế xã hội cơ bản của vùng đều thấp hơn mức trung bình của cả nước. GDP bình quân đầu người chỉ bằng 69,7% mức bình quân cả nước, đặc biệt tỷ lệ đói nghèo rất cao, gấp 1,78 lần so với cả nước. Như vậy, sự phát triển các mặt xã hội của vùng chưa tương thích với sự phát triển kinh tế, thậm chí nhiều vấn đề xã hội ngày càng gay gắt, tiềm ẩn những nguy cơ từ sự phân hóa xã hội. Đây thực chất là sự phát triển mâu thuẫn. Một số biểu hiện của mâu thuẫn là:

*Thứ nhất*, mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế trong vòng 15 năm qua cao hơn mức tăng trưởng bình quân cả nước nhưng thu nhập chỉ tăng 1,5 lần trong khi đó mức tăng thu nhập bình quân cả nước là 2,1 lần. Thu nhập hiện nay nếu so với Đông Nam Bộ là vùng có thu nhập cao nhất toàn quốc thì thu nhập bình quân đầu người của Tây Nguyên chỉ bằng 45,5% (3).

*Thứ hai*, sự phát triển kinh tế vẫn chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Cơ cấu kinh tế chậm chuyển dịch nên tỷ trọng của nông nghiệp còn quá lớn (trên dưới 50%). Nếu thu nhập từ nông nghiệp bình quân cả nước là 24,8% thì ở Tây Nguyên là 46%, đặc biệt Đắk Lắk 49,7%, Đắk Nông 67,4%, Lâm Đồng 45,8% (3). Thu nhập từ tiền công, tiền lương và phi nông nghiệp quá thấp làm cho phương thức sống của dân cư rất bấp bênh và không ổn định.

*Thứ ba*, phân hoá thu nhập và mức sống giữa các bộ phận dân cư ngày càng cao. Sự phát triển kinh tế mới chỉ chủ yếu cải thiện được mức sống của một bộ phận dân cư, phần lớn là công chức, dân cư các đô thị, những người Kinh có đất đai, những người buôn bán nông sản và kể cả nó đã làm giàu cho không ít những người ngoài vùng nhờ đầu cơ đất đai, kinh doanh nông sản... còn phần lớn đồng bào các dân tộc thiểu số, dân di cư tự do đời sống, sinh kế vẫn rất khó khăn.

Tây Nguyên là địa bàn sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số với tập quán sản xuất lạc hậu, kém thích nghi với kinh tế thị trường, không có những kiến thức kinh doanh cần thiết. Người dân bản địa ngày càng tỏ ra yếu kém trong việc tiếp cận các nguồn lực sản xuất so với tầng lớp dân cư khác, phân hóa xã hội có nguy cơ ngày càng gay gắt. Xét chung toàn vùng mức chênh lệch thu nhập giữa nhóm giàu nhất và nhóm nghèo nhất nằm trong top 10 tỉnh thành có mức chênh lệch lớn nhất cả nước và đang tồn tại sự bất bình đẳng ở mức tương đối cao.

*Thứ tư*, tỷ lệ đói nghèo của Tây Nguyên hiện đứng thứ hai cả nước, sau Trung du và miền núi phía Bắc. Các chỉ số về đói nghèo của Tây Nguyên cao gần gấp đôi so

với cả nước. Tây Nguyên chiếm 5,8% dân số nhưng lại chiếm gần 10% tổng số người nghèo của cả nước. Mặc dù so với năm 2002 tỷ lệ đói nghèo đã giảm từ 51,8% xuống còn 28,6% (cả nước giảm từ 28,9% xuống còn 16%) nhưng diễn biến nghèo đói ở Tây Nguyên còn rất phức tạp. Đặc biệt, hầu hết hộ nghèo là đồng bào dân tộc ít người, dân di cư tự do (chiếm trên 86%) (3).

*Thứ năm*, phát triển chậm về kinh tế là nguyên nhân dẫn tới phát triển chậm về giáo dục, y tế. Đồng bào dân tộc thiểu số có cơ hội thấp hơn so với người Kinh trong việc tiếp cận với giáo dục do địa bàn cư trú phần lớn xa trung tâm và điều kiện kinh tế kém hơn. Số học sinh thuộc các dân tộc thiểu số chỉ chiếm khoảng 36,3% tổng số học sinh phổ thông của vùng và đa số chỉ theo học hết bậc tiểu học và trung học cơ sở. Bậc phổ thông trung học chỉ có số lượng rất ít và phải nhờ vào sự trợ cấp hoặc ưu tiên của nhà nước.

Khảo sát của RPGA cho biết thiết bị giảng dạy rất hạn chế. Rào cản ngôn ngữ cũng là một thách thức đối với giáo viên, nguy cơ mù chữ và tái mù chữ rất cao. Tỷ lệ trẻ em đi học tiểu học đúng tuổi chỉ đạt 82% (cả nước là 92,6%), trung học cơ sở là 42,6% (cả nước là 61,6%), trung học phổ thông 10,6% (cả nước là 27,35%), cao đẳng sư phạm 1,6% (cả nước là 8,5%), tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học cao nhất nước (3).

Tây Nguyên là vùng có mức phát triển thấp về y tế. Bình quân hơn 6080 người dân mới có 1 cơ sở khám chữa bệnh và bình quân số giường bệnh/vạn dân chỉ có 21,6 giường, thấp hơn mức bình quân cả nước (22,6 giường/vạn dân). Chất lượng các dịch vụ y tế thấp hơn so với cả nước và các vùng khác, cứ 2038 người dân mới có 1 bác sĩ (bình quân của cả nước là 1503 người/ 1 bác sĩ). Khu vực vùng sâu, vùng xa có tới trên 80% trạm y tế xã thiếu phương tiện, 26,7% trạm y tế không có điện; 34,4% trạm y tế không có nước sạch; 71,2% trạm y tế thiếu thuốc; 29,1% trạm y tế thiếu cán bộ y tế; 72,8% trạm y tế có khả năng đáp ứng dịch vụ y tế thấp; 45% cơ sở y tế không đảm bảo các điều kiện vệ sinh và các dịch vụ khám chữa bệnh...Tây Nguyên vẫn là vùng trọng điểm sốt rét và phong; ngoài ra đây còn là vùng dịch hạch duy nhất cả nước, một bệnh hiện nay xuất hiện ở rất ít nơi trên thế giới. Tình trạng sức khỏe của người dân Tây Nguyên thấp hơn nhiều so với toàn quốc. Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi là 40,9% (cả nước là 33,8%); tỷ suất chết trẻ em là 64,4% (cả nước là 36,7%). Ngân sách y tế cho vùng còn rất hạn hẹp, mặc dù có hệ số ưu tiên là 1,7 lần, nguồn thu từ viện phí và bảo hiểm y tế rất thấp do đối tượng được miễn giảm phí khám, chữa bệnh quá lớn mà chủ yếu là người nghèo (3).

*Thứ sáu*, phát triển kinh tế chưa phát huy, bảo tồn được văn hoá truyền thống mà ngược lại có nguy cơ làm cho nó ngày càng mai một, biến dạng.

Trong xã hội Tây Nguyên cổ truyền, *làng* là đơn vị xã hội cơ bản. Nếu nói người Tây Nguyên có tính cộng đồng rất cao, thì đó là tính cộng đồng làng. Làng được điều hành bằng một tổ chức đặc biệt là *Hội đồng già làng*. *Già làng* là những người hiền minh nhất được dân làng bầu lên, quản lý làng theo một hệ thống đặc biệt là luật tục của làng. Kể từ khi sản xuất và XKNS trở thành tâm điểm trong hoạt động kinh tế, với sự di cư ồ ạt của những người từ nơi khác đến đã làm suy yếu văn hóa làng của Tây Nguyên.

Vai trò của già làng chỉ tồn tại trong quyền lực tâm linh chứ không còn chỗ dựa kinh tế. Điều đó đã làm suy yếu đáng kể sức sống của cộng đồng làng.

Sau 1975, toàn bộ đất và rừng ở Tây Nguyên được quốc hữu hoá, được giao cho các binh đoàn làm kinh tế, các nông trường, lâm trường và dân di cư từ đồng bằng lên. Cho đến năm 1997, 90% đất rừng Tây Nguyên nằm trong tay các tổ chức quốc doanh. Những người mới di cư đến chiếm dần những vùng đất thuận lợi nhất, màu mỡ, bằng phẳng, gần sông, gần đường... Người bản địa chỉ còn phần đất thổ cư và một ít đất làm rẫy, phải lùi vào rừng ngày càng sâu, hoặc bị biến thành người làm thuê cho người nơi khác đến, chủ yếu là người Kinh, ngay trên mảnh đất truyền lại từ tổ tiên của mình. Việc mất rừng, tan vỡ của làng, cơ cấu dân cư bị đảo lộn lớn và đột ngột, tất yếu đưa đến đổ vỡ về văn hoá. Hiện nay, trong lĩnh vực văn hoá hầu như không còn văn hoá thật của Tây Nguyên, tức chỉ có văn hoá giả Tây Nguyên, người Kinh làm văn hóa Tây Nguyên còn người bản địa chỉ còn đóng vai trò thấp trong sinh hoạt văn hóa của vùng. Từ đó dẫn đến nghịch lý của Tây Nguyên hiện nay là phát triển lãnh thổ nhưng không phát triển được chủ thể trên lãnh thổ ấy.

Quá trình phát triển SXNSXK gắn với hiện đại hoá, toàn cầu hoá và hội nhập cũng tất yếu đưa những luồng văn hoá lạ xâm nhập vào Tây Nguyên. Một sự xâm nhập như vậy là tự nhiên, không thể tránh và điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến sự ổn định xã hội. Sự phát triển kinh tế đã có dấu hiệu làm suy thoái văn hóa truyền thống, sự du nhập các luồng văn hóa khác đang làm cho Tây Nguyên dần mất đi bản sắc văn hóa riêng có và độc đáo của mình. Sự suy thoái này đã bắt đầu có ảnh hưởng trực tiếp đến mọi mặt của đời sống xã hội.

Sự phân tích các mặt phản ánh sự phát triển bền vững (PTBV) về xã hội gắn với lĩnh vực SXNSXK có thể đi đến một số nhận xét tổng quát: Những tiến bộ về kinh tế xã hội trong thời gian qua là to lớn nhưng vấn đề xã hội vẫn là vấn đề gay gắt nhất ở Tây Nguyên hiện nay và là sự cản trở lớn nhất đối với sự PTBV của vùng. Xét trên ba khía cạnh tiếp cận của PTBV về xã hội ta thấy:

- Phần lớn người dân có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp với lĩnh vực SXNSXK, nhất là bộ phận nghèo vẫn gặp rất nhiều khó khăn để *tạo khả năng tiếp cận* hay họ đang *"nghèo nàn về khả năng tiếp cận"* với các yếu tố để tạo ra thu nhập và sinh kế lâu dài. Đó là tình trạng thiếu đất sản xuất, di cư tự do quá lớn, khả năng tiếp cận với chăm sóc y tế, giáo dục khó khăn trong khi nền tảng dân trí thấp. Tình trạng này dẫn đến hiện tượng được gọi là loại trừ xã hội, tức là không có khả năng tiếp cận một cách có hệ thống với một số lớn của cải và phúc lợi, nảy sinh tình trạng không có quyền cả về kinh tế cũng như về xã hội ở mức khá nghiêm trọng. Một phần đáng kể những thành tựu phát triển kinh tế đã và đang bị nhiều tầng lớp ngoài vùng hưởng lợi. Thực tế, Tây Nguyên đang bị nhiều chủ thể ngoài vùng triệt để khai thác lợi thế của mình, họ không chỉ bóc lột tài nguyên mà còn bóc lột ngay chính các chủ thể của Tây Nguyên.

- Từ chỗ *"nghèo về khả năng tiếp cận"* tất yếu dẫn đến *"nghèo nàn về khả năng"*, ngăn cản mọi quá trình tích lũy dưới dạng tiềm năng. Do thu nhập thấp, đời

sống còn khó khăn đã cản trở sự phát triển giáo dục, cơ hội học tập, tích lũy kiến thức rất hạn chế; mức độ được chăm sóc y tế khó khăn, người dân không có khả năng thu được những tiềm năng cần thiết cho việc hình thành các khả năng. Họ trở nên dễ bị tổn thương, xác suất rơi vào bẫy nghèo nàn và bị loại trừ càng lớn hơn. Mức độ bất bình đẳng xã hội cũng vì vậy gia tăng khi chủ thể suy giảm sức đề kháng, trong khi đó áp lực của thị trường ngày càng lớn, đó là mầm mống dẫn đến các xung đột xã hội.

- *Tính công minh* cũng khó có thể đảm bảo được khi các thể hệ hiện tại còn quá nghèo nàn về các khả năng. Việc khai thác một cách thiếu kiểm soát tài nguyên trong SXNSXK hiện nay đang làm trầm trọng hơn nạn phá rừng. Khi những yếu tố văn hóa truyền thống vốn đã từng là sức mạnh tồn tại và phát triển của Tây Nguyên từ bao đời nay bị mai một thì việc giữ gìn và không làm ảnh hưởng tới khả năng của các thế hệ mai sau khó mà thực hiện được.

Tất cả những vấn đề trên đều cho thấy rất cần một sự nghiên cứu toàn diện và một chính sách toàn diện cho sự phát triển của Tây Nguyên theo quan điểm của PTBV, phù hợp với điều kiện của vùng.

### **3. Kết luận và kiến nghị về các giải pháp định hướng nhằm giải quyết tốt vấn đề xã hội trong quá trình phát triển sản xuất nông sản xuất khẩu vùng Tây Nguyên**

Với vị trí chiến lược cả về kinh tế và quốc phòng, an ninh, từ lâu Đảng và nhà nước ta đã đặc biệt quan tâm đến phát triển Tây Nguyên. Từ mục tiêu “*xây dựng Tây Nguyên giàu về kinh tế, vững về chính trị, phát triển nhanh về văn hóa - xã hội, mạnh về quốc phòng, an ninh, tiến tới xây dựng Tây Nguyên thành vùng kinh tế động lực*” như Nghị quyết 10/NQ/TW của Bộ Chính trị (2002) về phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001-2010 đã khẳng định; từ thực tiễn của SXNSXK vùng Tây Nguyên hiện nay, chúng tôi cho rằng:

- PTBV ở Tây Nguyên có tính đặc thù, gắn bó chặt chẽ với hệ thống SXNSXK và không thể tách rời với PTBV trong SXNSXK.

- Vấn đề xã hội và môi trường trong PTBV của Tây Nguyên là những vấn đề đặc biệt phải quan tâm vì nó có ảnh hưởng rất lớn tới cả hiện tại và lâu dài trong PTBV của vùng.

- PTBV ở Tây Nguyên không chỉ là vấn đề riêng của Tây Nguyên mà có ảnh hưởng tới cả nước và khu vực, cần phải thấy rõ vị trí chiến lược của Tây Nguyên cả về kinh tế và quốc phòng và là vùng dự trữ chiến lược của cả nước trước nguy cơ biến đổi khí hậu toàn cầu.

Trên quan điểm chung đó, PTBV nói chung và PTBV trong SXNSXK của Tây Nguyên từ nay đến 2020 cần xác định các vấn đề ưu tiên trong PTBV như sau:

*Một là, chú trọng kết hợp cả ba mặt của PTBV là kinh tế, xã hội và môi trường trong đó đặc biệt ưu tiên PTBV về xã hội.* Tây Nguyên là vùng giàu tiềm năng về tự nhiên cho SXNSXK nhưng lại rất yếu về tiềm năng xã hội. Sự phát triển không bền vững hiện nay có nguyên nhân chủ yếu từ trình độ lao động thấp, phương thức sản xuất lạc hậu, thiếu kinh nghiệm và kỹ năng kinh doanh, mâu thuẫn và xung đột xã hội khá

gay gắt. Nếu không giải quyết tốt những vấn đề xã hội, dân tộc, tôn giáo hiện nay thì không thể có cơ sở để PTBV về kinh tế và môi trường.

**Hai là**, trong PTBV về xã hội phải chú trọng việc cải thiện các yếu tố liên quan tới sự hình thành khả năng của dân cư, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, cải thiện khả năng tiếp cận các nguồn lực nhằm thay đổi được cơ bản mức sống, thu nhập và trình độ hiểu biết văn hóa, kỹ năng thực hành sản xuất kinh doanh hiện đại; coi trọng lợi ích của chủ nhân đích thực là đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, coi đó là yếu tố cốt lõi để PTBV lâu dài.

**Ba là**, trong PTBV về kinh tế, phải kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất và chế biến, trong đó ưu tiên cho PTBV hệ thống công nghiệp chế biến để cải thiện cơ bản điều kiện xuất khẩu, nâng cao chất lượng hàng hóa và giá trị gia tăng.

**Bốn là**, PTBV về môi trường phải đảm bảo yêu cầu không xâm phạm diện tích rừng, nâng dần tỷ lệ che phủ rừng, ưu tiên bảo vệ rừng, bảo vệ đất, nguồn nước cho sinh kế lâu dài và yêu cầu dự trữ sinh thái học cho toàn vùng và cả nước.

**Năm là**, Tây Nguyên không thể tự mình PTBV nếu không có sự hỗ trợ của nhà nước và toàn xã hội. Đầu tư cho Tây Nguyên PTBV còn có ý nghĩa là đầu tư cho PTBV của cả nước và khu vực.

**Sáu là**, Tây Nguyên là vùng văn hóa đặc thù gắn với bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc ít người do đó, cần phải có cơ chế riêng để PTBV.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Kế hoạch Đầu tư (2000), Báo cáo phương hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010 (11/2000).
- [2] Nguyễn Ngọc, *Phát triển bền vững ở Tây Nguyên* ([diendan@diendan.org](mailto:diendan@diendan.org))
- [3] *Niên giám thống kê Việt Nam và các tỉnh Tây Nguyên* (từ 2000-2008)
- [4] Quyết định số 184/1998/QĐ - TTg của thủ tướng Chính phủ về *phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên giai đoạn từ nay đến năm 2010* (ngày 24/09/1998).
- [5] *Cồng chiêng Tây Nguyên - tầm vóc nhân loại* - <http://vietbao.vn/Van-hoa/Cong-chieng-Tay-nguyen-tam-voc-nhan-loai/40053731/181/>
- [6] *Văn hóa truyền thống Tây Nguyên đang mất đi từng ngày* - <http://vietbao.vn/Van-hoa/Van-hoa-truyen-thong-dang-mat-di-tung-ngay/40061288/181/>